

Số: 1068/QĐ-UBND

Đoàn Kết, ngày 12 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công bố công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐOÀN KẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của HĐND phường Đoàn Kết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của HĐND phường Đoàn Kết về việc phê chuẩn Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán phường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 của phường Đoàn Kết.

(Có các phụ biểu kèm theo quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê; Tài chính - Kế toán; Trưởng các ban ngành đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thành phố;
- TT.Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- Các ban ngành đoàn thể phường;
- Các đồng chí tổ trưởng TDP, bản;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Tiến Dũng



CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

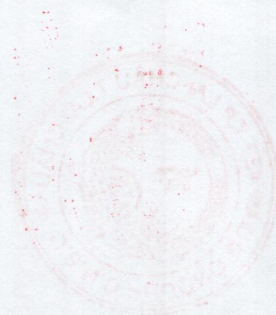
NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.538.293.585	TỔNG SỐ CHI	5.538.293.585
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	90.531.720	I. Chi đầu tư phát triển	
Phí lệ phí	36.859.000		
Thu khác	53.672.720		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	280.263.845	II. Chi thường xuyên	5.462.795.147
III. Thu bổ sung	5.151.795.147		
Bổ sung cân đối	4.572.723.897		
Bổ sung có mục tiêu	579.071.250		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		III. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	73.367.438
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	15.702.873	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	2.131.000
Kết dư ngân sách			



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng thu		4.770.000.000		5.538.293.585		116,11
I	Các khoản thu 100%		80.000.000		90.531.720		113,16
1	Thu phí lệ phí		20.000.000		36.859.000		184,30
2	Thu khác		60.000.000		53.672.720		89,45
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần %		245.000.000		280.263.845		114,39
III	Thu viện trợ không hoàn lại						
IV	Thu chuyển nguồn				15.702.873		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				-		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.445.000.000		5.151.795.147		115,90
1	Thu bổ sung cân đối		4.445.000.000		4.572.723.897		102,87
2	Thu bổ sung có mục tiêu				579.071.250		



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2020
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH %		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Thường xuyên
	Tổng Chi	4.770.000.000	-	4.770.000.000	5.538.293.585		5.538.293.585	116,1		116,1
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin									
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	21.000.000		21.000.000	21.000.000		21.000.000	100,0		100,0
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước Đảng, đoàn thể	3.261.000.000		3.261.000.000	3.193.183.246		3.193.183.246	97,9		97,9
10	Chi cho công tác xã hội	21.000.000		21.000.000	22.752.000		22.752.000	108,3		108,3
11	Chi khác	1.418.000.000		1.418.000.000	2.188.809.901		2.188.809.901	154,4		154,4
12	Dự phòng ngân sách	49.000.000		49.000.000	37.050.000		37.050.000	75,6		75,6
13	Chi hoàn trả ngân sách thành phố				2.131.000		2.131.000			
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				73.367.438		73.367.438			

